

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 568/2024/DS-PT
Ngày: 26 - 11 - 2024
V/v "Hợp đồng góp hụi; Hợp đồng
vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Các Thẩm phán: Ông **Mai Hoàng Khải**

Ông **Trương Vĩnh Hữu**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Lưu Thị Loan**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**
Bà **Nguyễn Thị Xuân Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 472/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi; Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2024/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 567/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hồ Thị H, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Bùi Quang N, sinh năm 1956 (Có mặt).

Địa chỉ: D, tổ B, khu D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 27/02/2024).

- **Bị đơn:**

1. Ông Trà Văn T, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 (Có mặt).

3. Chị Trà Thị Anh T1, sinh năm 2002 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trà Văn T, Trà Thị Anh T1: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2024).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1970 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Thị H là ông Bùi Quang N trình bày:

Bà Nguyễn Thị L, ông Trà Văn T, chị Trà Thị Anh T1 là thành viên có tham gia các dây hụi do bà Hồ Thị H làm chủ hụi đối với 4 dây hụi, trong đó 02 dây hụi vàng và 02 dây hụi tiền. Tổng cộng bà L, ông T, chị T1 còn thiếu lại bà H: Số nợ vàng hụi là 66 chỉ vàng 24K_r (tạm tính giá 396.000.000đồng); số tiền nợ hụi là 125.000.000đồng; Và số tiền vay 800.000.000đồng; Yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày 23/8/2020 đến khi Tòa án xét xử $800.000.000\text{đồng} \times 1,66\%/tháng \times 40\text{ tháng} = 531.200.000\text{đồng}$; Bà H yêu cầu Tòa án buộc ông Trà Văn T, bà Nguyễn Thị L, chị Trà Thị Anh T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số vàng và tiền hụi, tiền vay, lãi vay tính lãi theo quy định pháp luật thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Do là chỗ quen biết và cùng xóm nên từ năm 2017 – 2019 âm lịch bà có tham gia chơi hụi của ông Nguyễn Văn M cùng vợ là Hồ Thị H làm chủ, ông M là người ký tên trong giấy hụi bà H là người trực tiếp đi góp hụi hàng tháng. Do chơi nhiều phần hụi trong đó có phần hụi sống, có phần hụi chết nên không nhớ đã nợ bà H và ông M bao nhiêu tiền. Khoảng tháng 9/2021 do cháu ngoại bà bị bệnh nên bà phải đi bệnh viện để chăm sóc, chỉ còn ông T và cháu T1 ở nhà bà H có đến nhà yêu cầu ông T và cháu Thu ký vào giấy nợ ngày 05/9/2019 với số tiền 800.000.000 đồng, nhưng do chồng bà là ông T không biết chữ chỉ biết ký tên. Ngày 07/10/2021 bà và bà H có ngồi lại tính toán tiền hụi bà H có ghi vào tờ lịch những số tiền hụi mà bà chưa đóng cụ thể là: Bà nợ ông M, bà Hà tất C các dây hụi là 331.000.000đồng và 66 chỉ vàng 24K quy ra tiền 330.000.000đồng. Như vậy 02 khoản tiền hụi là 661.000.000đồng nhưng chưa đến hạn mãn hụi, bên cạnh đó bà còn tham gia của bà H 03 dây hụi sống và ông M, bà H nợ bà số tiền hụi sống là

210.000.000đồng. Như vậy cần trừ số tiền 661.000.000 đồng – 210.000.000đồng = 451.000.000đồng là số tiền bà còn nợ lại ông M, bà H.

Biên nhận ngày 05/9/2019 thể hiện nội dung mỗi năm bà trả dần cho bà H số tiền 100.000.000đồng là khớp với tờ giấy lịch mà bà H đã ghi cho bà. Như vậy bà chỉ còn nợ lại bà H số tiền 700.000.000đồng theo biên nhận nợ ngày 05/9/2019 ngoài ra bà không còn nợ ông M, bà H số tiền nào khác. Bà đồng ý trả cho bà H, ông M số tiền 700.000.000đồng này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N yêu cầu các bị đơn phải liên đới trả tiền vốn vay 800.000.000đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất 0,83% tính từ ngày 23/8/2020 đến ngày 23/5/2024; Xin rút lại yêu cầu khởi kiện số tiền hui, vàng hui; Bị đơn bà Nguyễn Thị L đồng ý trả tiền vốn và lãi nhưng cho rằng là tiền nợ hui, không phải tiền nợ vay.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 59/2024/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang áp dụng vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, Điều 463, 468, của Bộ luật dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị H có đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Quang N.

Buộc ông Trà Văn T, bà Nguyễn Thị L, chị Trà Thị Anh T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Thị H tổng số tiền nợ vay và là 1.019.120.000đồng (Một tỷ không trăm mười chín triệu một trăm hai mươi ngàn đồng) (trong đó vốn vay là 800.000.000đồng, lãi là 219.120.000đồng. Thực hiện việc trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết đối với số tiền nợ hui 521.000.000đồng bà Hồ Thị H yêu cầu ông T, bà L, chị T1 phải trả.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T, bà L, chị T1 chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06/6/2024, bị đơn Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm số 59/2024/DS-ST ngày 24/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị H buộc ông Trà Văn T, bà Nguyễn Thị L và chị Trà Thị Anh T1 trả cho bà H tổng số tiền nợ vay là 1.019.120.000đồng (trong đó vốn vay là 800.000.000đồng, lãi là 219.120.000 đồng).

oTại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền trong biên nhận ngày 05/9/2019 là nợ hui không phải nợ tiền vay, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền nợ hui là 125.000.000đồng và nợ hui vàng là 66 chỉ vàng 24k nhưng cấp sơ thẩm lại đình chỉ giải quyết với tổng số tiền là 521.000.000đồng (đã quy đổi 66chỉ vàng 24k thành tiền) là không chính xác và không phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí: sau khi Tòa án sửa chữa bổ sung bản án đối với số tiền bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn nhưng lại không điều chỉnh lại phần tiền án phí mà bị đơn phải chịu là chưa đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 điều 308, điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L làm trong hạn luật định và đúng trình tự theo quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với ông M.

Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hui và số nợ hui vàng, tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự

đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ tuy nhiên cấp sơ thẩm lại quy đổi số vàng ra thành tiền là không phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn và không giải quyết hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án theo Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự là thiếu sót.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Hồ Thị H khởi kiện yêu cầu ông Trà Văn T, bà Nguyễn Thị L và chị Trà Thị Anh T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay là 800.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/8/2020 đến ngày 23/5/2024 với lãi suất 0,83%/tháng theo biên nhận viết tay ngày 05/9/2019 âl. Bà Nguyễn Thị L1 cho rằng bà không vay tiền của bà H, bà có tham gia chơi hụi do ông M, bà H làm chủ, do tham gia nhiều phần trong đó có phần hụi chết có phần hụi sống nên bà không nhớ nợ ông M, bà H là bao nhiêu tiền. Ngày 05/9/2019 bà H đến nhà buộc ông T và chị T1 là chồng và con của bà ký nhận số tiền 800.000.000đồng lúc này không có bà ở nhà, ông T có điện thoại cho bà biết, sau đó bà có gặp bà H tổng kết lại tiền hụi và bà H có ghi cho bà bằng một tờ giấy lịch mà bà đã giao nộp cho Tòa án, do tin tưởng nên chồng, con bà ký vào biên nhận mà không đọc lại, bà xác định bà không vay tiền của bà H mà chỉ nợ tiền hụi.

Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, bà L không đồng ý nên có yêu cầu kháng cáo.

[3] Xét nội dung kháng cáo và yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] “Biên nhận” viết tay ngày 05/9/2019 âl có nội dung “Tôi tên: Trà Văn T, sinh năm 1972 hiện cư ngụ tại ấp T, xã N, huyện C, Tiền Giang. Gia đình chúng tôi có nhận tiền của cô Hồ Thị Hà N1 cùng ấp, số tiền 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) gia đình chúng tôi sẽ trả dần một năm trả 100.000.000 (một trăm triệu đồng) trả dần cho đến hết số tiền nêu trên kể từ ngày 05/7/2020 âl” người nhận tiền ký tên và ghi họ tên Trà Văn T và Trà Thị Anh T1. Bà L xác định chữ ký tên và viết tên trong biên nhận là của chồng và con của bà tuy nhiên bà L cho rằng do tin tưởng bà H nên khi ký tên vào biên nhận ông T và chị T1 không đọc lại. Theo lời trình bày của bà L thì sau khi ký tên vào biên nhận ông T có điện thoại cho bà biết và sau đó bà và bà H có gặp nhau để tổng kết lại tiền hụi và bà H có ghi cho bà bằng một tờ lịch. Như vậy việc ông T, chị Thư ký T2 vào biên nhận với số tiền 800.000.000đồng vào ngày 05/9/2019 âl bà L có biết và bà không phản đối cũng như yêu cầu bà H giải thích rõ là khoản tiền gì, hơn nữa nếu bà L chỉ nợ tiền hụi bà H thì sau khi bà H và bà L tổng kết lại nợ hụi bà L phải yêu cầu bà H trả lại hoặc hủy bỏ biên nhận ngày 05/9/2019 âl nhưng bà L đã không làm điều đó. Bà L cho rằng nội dung biên nhận cho bà trả mỗi năm

100.000.000đồng là khớp với tờ giấy lịch mà bà H đã ghi cho bà, tuy nhưng số tiền 800.000.000đồng trong biên nhận ngày 05/9/2019 thì không có gì thể hiện là tiền nợ hụi và cũng không có sự liên quan với nội dung của tờ giấy lịch (BL 77) có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ trên xét thấy lời trình bày của bà L là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3.2] Xét thấy theo thỏa thuận trong biên nhận thì gia đình ông T sẽ trả dần mỗi năm 100.000.000đồng kể từ ngày 05/7/2020 thì nhưng sau đó không thực hiện, như vậy thời điểm vi phạm nghĩa vụ là ngày 05/7/2020 thì nhưng án sơ thẩm tính lãi từ ngày 23/8/2021 đến ngày 23/5/2024 với lãi suất 0,83%/tháng là có lợi cho bị đơn và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện của nguyên đơn cũng đồng ý với thời gian tính lãi của cấp sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[3.3] Xét thấy, tuy bà L không ký tên vào biên nhận nợ nhưng bà được biết số nợ khi ông T và chị Thu K, hơn nữa ông T và bà L vẫn là vợ chồng sống chung nhà cùng sinh hoạt chung, sử dụng chung đồng tiền cho mục đích chi tiêu của gia đình, vì vậy tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L, ông T, chị T1 có nghĩa vụ liên đới trong việc thanh toán nợ cho bà H là có căn cứ và phù hợp.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm, bà L, ông T và chị T1 phải chịu là 42.573.600đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc các đương sự phải chịu số tiền 44.964.000đồng là vượt quá nghĩa vụ phải chịu án phí của các đương sự làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Từ nhận định trên xét thấy cần sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 điều 308, điều 309, khoản 2 điều 148, khoản 2 điều 244, khoản 2 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điều 288, điều 463, điều 466, điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27, điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L. Sửa một phần quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 59/2024/DS-ST ngày 24/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị H.

Buộc ông Trà Văn T, bà Nguyễn Thị L và chị Trà Thị Anh T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Thị H số tiền là 1.019.120.000đồng (trong đó tiền vốn vay là 800.000.000đồng, tiền lãi là 219.120.000đồng).

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị H về việc yêu cầu bà L, ông T, chị T1 liên đới trả 66 chỉ vàng 24k và 125.000.000 đồng nợ hui.

Bà H được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà L, ông T và chị T1 liên đới chịu 42.573.600đồng, bà L đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002788 ngày 06/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, bà L, ông T và chị T1 còn phải nộp tiếp số tiền là 42.273.600đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho bà Hồ Thị H số tiền là 33.780.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002317 ngày 30/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Kể từ ngày bà H yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu bà L, ông T và chị T1 chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyết Linh